TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 27 – 5 - 2022
V/v "Tranh chấp Chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2022/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia tải sản chung và nợ chung sau khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2022/QĐXX-PT ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Cẩm L, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959; Địa chỉ: Đường H, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Theo Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2020) (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn H, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Hà Phương Y, sinh năm 1989. (có mặt)

2/ Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3/ Bà Trần Yến N, sinh năm 1982. (có mặt)

4/ Ông Trần Tuấn V, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

5/ Bà Nguyễn Cẩm D, sinh năm 1986. (vắng mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956. (vắng mặt)

7/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1952 (chồng bà Lầu). (có mặt)

8/ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1980. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

9/ Ông Hà Thanh S(Chủ cây xăng dầu H). (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

10/ Văn phòng Công chứng Lê Thành H. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 10, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Cẩm L trình bày: Bà và ông H được Tòa án nhân dân huyện T xử cho ly hôn theo Quyết định số: 340/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2019. Về tài sản và nợ chung vợ chồng tự thoả thuận, sau khi ly hôn ông bà không thoả được dẫn đến tranh chấp.

Nay yêu cầu chia tài sản chung như sau:

+ Nhà, đất có diện tích 180m^2, thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 14 (bản đồ thành lập năm 2005) đã điều chỉnh lại hiện là thửa 355, số tờ bản đồ 14, diện tích thực tế 193,4m^2, tọa lạc tại Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Gía trị nhà theo bà bằng 250.000.000 đồng. Nhà đất hiện ông H tự ý thế chấp cho bà Trần Yến N vay tiền, bà không biết.

+ Tàu cá CM-99194-TS ông H đã bán cho bà Trần Yến N đã nhận tiền bằng 300.000.000 đồng. Bà tự định giá trị tàu cá 250.000.000 đồng.

Nợ chung: Nợ Nguyễn Cẩm D 240.000.000 đồng; Nợ Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24 kara; Nợ Nguyễn Văn M 10 chỉ vàng 24 kara; Nợ Nguyễn Văn V 100.000.000 đồng; Nợ Trần Tuấn V 130.000.000 đồng.

Yêu cầu: Hủy phần thế chấp đất trong Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nhi với ông H ngày 30/12/2019. Yêu cầu được nhận nhà, đất; giao tàu cá bằng 250.000.000 đồng giao cho ông H sở hữu.

Phần nợ chia đôi trách nhiệm theo qui định chung.

Ông Trần Văn H trình bày: Thống với trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung đã được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết tại Quyết định số: 340/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2019.

Về tài sản, nợ chung ông yêu cầu như sau:

+ Thống với trình bày của bà L, nhà và đất 180m^2, là tài sản chung, nhưng ông đã thế chấp cho bà Nhi vay số tiền 300.000.000 đồng, để chi xài cá nhân và trả nợ. Nay, ông yêu cầu được nhận tài sản này, đồng ý hoàn lại cho bà L ½ = 125.000.000 đồng. Thống nhất giá trị 250.000.000 đồng, không có yêu cầu định giá lại.

+ Đối với Tàu cá CM-99194-TS là tài sản riêng, không phải là tài sản chung như bà L trình bày. Ông đã bán tàu cá trên cho bà Nhi để nhận số tiền 300.000.000 đồng, thanh toán nợ như sau: trả nợ Trần Tuấn V 30.000.000 đồng, trả nợ Cây xăng dầu Hiền Đức 32.000.000 đồng, trả nợ Lê Thị Đ 30.000.000 đồng và khoản nợ tiền hụi 60.000.000 đồng, phần còn lại đã chi xài hết. Ông thống nhất giá trị Tàu cá CM-99194-TS là 250.000.000 đồng, không yêu cầu định giá lại.

Về nợ chung: Nợ Nguyễn Văn M 10 chỉ vàng 24 kara; Không có nợ Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24 kara; Không có nợ Nguyễn Cẩm D 240.000.000 đồng; Không có nợ Nguyễn Văn V 100.000.000 đồng. Đồng ý, trả cho ông Mạnh ½ khoản nợ, còn ½ bà L trả. Các khoản nợ khác không biết.

Ông Nguyễn Văn M trình bày: Ngày 22/7/2019, ông có cho bà Nguyễn Cẩm L, ông Trần Văn H mượn 10 chỉ vàng 24 kara; vợ ông là bà Nguyễn Thị L đưa cho bà L và ông H 20.000.000 đồng, 11 chỉ vàng 24 kara, đến nay chưa trả. Tại phiên tòa, ông xác định bà L và ông H đã ly hôn, ông yêu cầu bà L và ông H phải liên đới trả cho ông 10 chỉ vàng 24 kara; còn 20.000.000 đồng, 11 chỉ vàng 24 kara ông xin rút lại yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Năm 2018, ông có cho bà Nguyễn Cẩm L, ông Trần Văn H mượn 200.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển vào tài khoản của ông H. Sau đó, bà L và ông H trả được 100.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay, do bà L và ông H đã ly hôn, ông yêu cầu bà L và ông H phải liên đới trả cho ông khoản nợ này.

Bà Trần Yến N trình bày: Ông Trần Văn H thế chấp nhà, đất 180m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay của bà số tiền 300.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn vay 03 năm (Hợp đồng vay tài sản được Văn phòng Công chứng Lê Thành H công chứng số 02410, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2019). Sau đó, ông H tiếp tục bán cho bà Tàu cá CM-99194-TS số tiền 300.000.000 đồng (Hợp đồng mua bán tàu cá được Văn phòng Công chứng Lê Thành H công chứng số 00188, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2019). Nay, nhà, đất 180m^2 có tranh chấp, bà yêu cầu ông H trả tiền vay 300.000.000 đồng, đồng ý trả nhà, đất 180m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho ông H, còn Tàu cá CM-99194-TS, không đồng ý trả, do bà mua từ ông H hợp pháp.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm L.

Tuyên bố tại Điều 2. Biện pháp bảo đảm trong Hợp đồng vay tài sản được ký giữa bà Trần Yến N với ông Trần Văn H được Văn phòng Công chứng Lê Thành Hưng công chứng số 02410, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2019 là vô hiệu.

Buộc bà Trần Yến N giao trả cho bà Nguyễn Cẩm L bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC647301 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp đứng tên Trần Văn H ngày 08/7/2016.

Buộc ông Trần Văn H, bà Hà Phương Y, bà Trần Yến N di dời đi nơi khác, để bàn giao cho bà Nguyễn Cẩm L được quyền sở hữu 01 cây nước ngầm, nhà gắn liền với đất diện tích 180m^2, số thửa 355, số tờ bản đồ 14 (đo đạc thực tế diện tích 193,4m^2, số thửa 213, tờ bản đồ số 14 (bản đồ thành lập năm 2005), tọa lạc tại Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Mai Mỹ Ly.

- Hướng Tây giáp Nguyễn Văn Hải.

- Hướng Bắc giáp Nguyễn Văn Hải.

- Hướng Nam giáp Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc

(Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 05/11/2020 của Công ty TNHH Tài Nguyên – Môi Trường Dâng Phong tại Cà Mau).

Bà Nguyễn Cẩm L được quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Luật Đất đai.

Ông Trần Văn H được nhận sở hữu Tàu cá CM-99194-TS theo giá trị bà Hiền, ông H thoả thuận bằng 250.000.000 đồng. Thực tế ông H đã bán Tàu cá CM-99194-TS và quản lý, sử dụng tiền bán tàu bằng 300.000.000 đồng, ông H được tiếp tục quản lý, sở hữu khoản tiền này.

***/** Về nợ chung:

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu bà Nguyễn Cẩm L và ông Trần Văn H liên đới trả 20.000.000đ và 11 chỉ vàng 24 kara.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu bà Nguyễn Cẩm L và ông Trần Văn H liên đới trả 10 chỉ vàng 24 kara và chấp nhận

yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn V về việc yêu cầu bà Nguyễn Cẩm L và ông Trần Văn H liên đới trả 100.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Cẩm L trả cho ông Nguyễn Văn M 05 chỉ vàng 24 kara (bằng chữ: Năm chỉ vàng hai mươi bốn kara) và trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 50.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Trần Văn H trả cho ông Nguyễn Văn M 05 chỉ vàng 24 kara (bằng chữ: Năm chỉ vàng hai mươi bốn kara) và trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 50.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 21/01/2022, ông Trần Văn H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Để cho ông H được nhận nhà đất tọa lạc tại Ấp A, xã K, huyện T, ông thanh toán lại cho bà Nguyễn Cẩm L giá trị nhà, đất bằng 250.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án chấp nhận khoản nợ của ông Trần Tuấn V, cây xăng dầu H, bà Lê Thị Đ, nợ hụi bà Bé E, ông C, tổng cộng bằng 250.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu mỗi người có trách nhiệm thanh toán ½ nợ bằng 125.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Ông H vẫn bảo lưu kháng cáo cho rằng nhà, đất ông đang ở ổn định, không có chỗ ở khác.

Phần nợ chung của vợ chồng ông kê khai trên thì có khoản nợ ông V130.000.000 đồng do chính bà L kê khai trong đơn khởi kiện, các khỏan nợ khác do giao dịch không có lập văn bản nên không chứng minh được.

- Quan điểm của Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau:

Phần nợ ông Vtại toà bà L xác định khai nhầm lẫn, theo bà L trước đây khi mua Tàu cá CM-99194-TS đã thanh toán một phần, còn nợ ông V 130.000.000 đồng, sau đó vợ chồng mượn tiền của ông V1 thanh toán cho ông V 100.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 30.000.000 đồng. Khoản nợ này theo khai nhận của ông H là do ông H trực tiếp quản lý, thanh toán cho ông V, ông H trình bày tại lời khai trong quá trình xét xử sơ thẩm là đã thanh toán xong cho ông V 30.000.000 đồng.

Như vậy, thực chất ông H, bà L chỉ còn nợ ông V30.000.000 đồng, ông H đã thanh toán xong nên buộc bà L thanh toán lại cho ông V ½ giá trị bằng 15.000.000 đồng. Án sơ thẩm không xem xét buộc bà L thanh toán lại cho ông V là sai sót nên cần sửa án sơ thẩm phần này.

Các phần khác, kháng cáo của ông H không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm buộc bà L thanh toán lại cho ông V ½ giá trị bằng 15.000.000 đồng. Các phần khác, kháng cáo của ông H không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Kháng cáo của ông H thực hiện trong hạn luật định, hợp pháp.

[2]. Xem xét nội dung kháng cáo,

[2.1]. Án sơ thẩm đã chia tài sản của vợ chồng là nhà đất và tàu cá, ông H nhận tàu cá, bà L nhận nhà, đất. Tại phiên tòa, ông H yêu cầu được nhận nhà đất và thanh toán giá trị lại cho bà L 250.000.000 đồng với lý do ông không có chổ ở ổn định.

Tàu cá, nhà, đất là tài sản chung, ông H tự bán Tàu cá nên tài sản có giá trị tương đương còn lại là nhà đất án sơ thẩm giao cho bà L sở hữu, sử dụng là đúng nguyên tắc vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau theo qui định. Hiện tại cũng chưa có căn cứ xác định bà L có chỗ ở ổn định, bà L còn phải nuôi hai con chung với ông H nên án sơ thẩm giao nhà đất cho bà L là hợp với đạo lý.

[2.2]. Về nợ chung:

Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng, bà N có đơn yêu cầu độc lập, nhưng sau đó bà N không dự nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án; Đối với các khoản nợ ông S (Chủ cây xăng dầu H), Lê Thị Đ, Nguyễn Cẩm D, Nguyễn Thị L - Quá trình chuẩn bị xét xử án Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng các đương sự này vắng mặt và không có ý kiến hoặc có yêu cầu độc lập nên cấp sơ thẩm không xét. Án sơ thẩm qui định nếu sau này không thoả thuận được, tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện tại vụ án khác là phù hợp.

Riêng phần nợ ông Trần Tuấn V - ông V không yêu cầu vì lý do ông H đã thanh toán xong như ông H khai là 30.000.000 đồng, lẽ ra cấp sơ thẩm buộc bà L thanh toán lại cho ông H ½ giá trị này mới phù hợp nhưng cấp sơ thẩm bỏ qua vì lý do ông V không yêu cầu là sai sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Sửa án sơ thẩm phần này, buộc bà L thanh toán cho ông H ½ giá trị bằng 15.000.000 đồng như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3]. Các nội dung còn lại, quan điểm xử lý của Viện kiểm sát nhận định phù hợp với Hội đồng xét xử, nên không nhận xét lập lại.

[4]. Ông H không phải chịu án phí phúc thẩm. Điều chỉnh lại án phí sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm thanh toán nợ của bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn H. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2022/HNGĐ-ST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm L.

Tuyên bố: Thoả thuận tại Điều 2 về biện pháp bảo đảm thanh toán tại Hợp đồng vay tài sản được ký giữa bà Trần Yến N với ông Trần Văn H do Văn phòng Công chứng Lê Thành Hưng công chứng số 02410, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2019 là vô hiệu.

2. Chia tài sản chung cho các đương sự như sau:

2.1. Bà Nguyễn Cẩm L được nhận tài sản gồm: 01 cây nước ngầm, nhà gắn liền với đất diện tích 180m^2, số thửa 355, số tờ bản đồ 14 (đo đạc thực tế diện tích 193,4m^2, số thửa 213, tờ bản đồ số 14 (bản đồ thành lập năm 2005), có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp Mai Mỹ Ly; Hướng Tây giáp Nguyễn Văn Hải; Hướng Bắc giáp Nguyễn Văn Hải; Hướng Nam giáp Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc.

Nhà đất tọa lạc tại Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 05/11/2020 của Công ty TNHH Tài Nguyên – Môi Trường Dâng Phong tại Cà Mau).

Buộc ông Trần Văn H, bà Hà Phương Y, chị Trần Yến N bàn giao nhà đất, tài sản gắn liền trên đất nêu trên cho bà Nguyễn Cẩm L.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo qui định chung của pháp luật.

Buộc bà Trần Yến N giao trả cho bà Nguyễn Cẩm L bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC647301 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp đứng tên Trần Văn H ngày 08/7/2016.

2.2. Ông Trần Văn H được nhận sở hữu Tàu cá CM-99194-TS. Bà L đề xuất giá trị tàu cá trên bằng 250.000.000 đồng, giá trị thực tế của tàu cá ông H bán bằng 300.000.000 đồng, ông H đang quản lý, ông H được tiếp tục quản lý, sở hữu khoản tiền này.

3. Về nợ chung:

3.1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu bà Nguyễn Cẩm L và ông Trần Văn H liên đới trả 20.000.000đ và 11 chỉ vàng 24 kara.

3.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu bà Nguyễn Cẩm L và ông Trần Văn H liên đới trả 10 chỉ vàng 24 kara và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn V1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Cẩm L và ông Trần Văn H liên đới trả 100.000.000 đồng.

3.3. Buộc bà Nguyễn Cẩm L trả cho ông Nguyễn Văn M 05 chỉ vàng 24 kara (bằng chữ: Năm chỉ vàng hai mươi bốn kara) và trả cho ông Nguyễn Văn V1 số tiền 50.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng).

3.4. Buộc ông Trần Văn H trả cho ông Nguyễn Văn M 05 chỉ vàng 24 kara (bằng chữ: Năm chỉ vàng hai mươi bốn kara) và trả cho ông Nguyễn Văn V1 số tiền 50.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng).

3.5. Buộc bà Nguyễn Cẩm L hoàn trả lại cho ông Trần Văn H ½ giá trị nợ thanh toán cho anh V bằng 15.000.000 đồng.

4. Chi phí tố tụng bằng 3.949.000 đồng, ông H, bà L mỗi người phải chịu ½ khoản chi phí này. Do bà L đã thanh toán xong nên đối trừ nghĩa vụ của bà L phải tự chịu bằng 1.974.500 đồng thì buộc ông H phải hoàn lại cho bà L 1.974.500 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả".

5. Án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Cẩm L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch bằng 13.250.000 đồng. Bà L đã dự nộp hai lần án phí, gồm: Lai thu số 0003946 ngày 30/6/2020 tại Chi cục thi hành án huyện T bằng 300.000 đồng; Lai thu số 0003930 ngày 13/01/2020 bằng 12.000.000 đồng được đối trừ, bà L còn nộp tiếp 950.000 đồng.

Ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch bằng 12.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn V được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0004046 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

5.2. Án phí phúc thẩm: Ông H không phải chịu, ngày 21/01/2022 ông H đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004327 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được nhận lại.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Hiền

Hồ Minh Tấn

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Yên